

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/DS-PT
Ngày: 09- 01- 2024
V/v Tranh chấp thừa kế và
chia tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Thẩm phán:

Bà Phan Thị Tú Oanh

Bà Phạm Thị Kim.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thanh Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn
Đức Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023 và ngày 09 tháng 01 năm 2024 tại Phòng xử
án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số A N, phường B, Quận A,
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:
619/2023/TLPT-DS, ngày 28 tháng 11 năm 2023, về việc: “Tranh chấp thừa kế
và chia tài sản chung”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 257/2023/DS-ST ngày 08-9-2023 của Tòa
án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5767/2023/QĐ-PT
ngày 05/12/2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số: 17051
/2023/QĐ-PT ngày 25/12/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh,
giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị V, sinh năm 1957.

Địa chỉ: 4 H, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy quyền ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1986 và ông Cái Trọng P, sinh
năm 1997 - Đại diện (Có mặt).

Cùng địa chỉ: C X, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

(Giấy ủy quyền ngày 07/3/2023).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: H T D, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Nhân K -
Văn phòng L - thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (Có mặt).

3. Người kháng cáo: Bị đơn - Nguyễn Trọng Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, sự việc được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị V có ông Nguyễn Minh T và ông Cái Trọng P đại diện theo uỷ quyền trình bày: Sinh thời, bà Tôn Nữ Minh H tạo lập nhà, đất tại địa chỉ: D Đường số E (nay là đường P), phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 974243, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 02586/2005 do Ủy ban nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/8/2005, đã đăng ký thay đổi ngày 12/10/2005, cụ thể như sau: Diện tích đất là: 71.2 m²; Nhà ở: Tổng diện tích sử dụng: 163,6 m²; Diện tích xây dựng: 61.6 m²; Số tầng: 03; Kết cấu nhà: Tường gạch, sàn BTCT, mái tôn. Ngày 05/3/2014, bà H lập di chúc tại Bệnh viện FV và được Văn phòng C1 chứng nhận ngày 05/3/2014, số công chứng 003489, Quyền số 3, có nội dung: "...Để lại toàn bộ quyền tài sản tại nhà, đất nêu trên cho chị ruột là bà Tôn Nữ Minh C và ông Nguyễn Trọng Q cùng hưởng thừa kế". Ngày 13/4/2014, bà H chết, tại thời điểm này, cha mẹ bà H chết trước bà H, bà không có cha mẹ nuôi, bà chưa kết hôn, không có con ruột và không có con nuôi.

Ngày 26/5/2014, ông Q và bà C được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cập nhật tên vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng, sở hữu nhà đất trên. Ngày 17/9/2014, bà C lập di chúc để lại toàn bộ quyền tài sản của bà tại nhà, đất này cho bà V. Di chúc đã được Văn phòng C1 công chứng theo số công chứng 017594, Quyền số: 09, có nội dung: "Nay tôi lập di chúc để lại phần tài sản của tôi sau khi tôi qua đời cho bà Lê Thị V, sinh ngày 14/10/1957, CMND số 021339069, thường trú tại 4 H, P.12, Q.4 sẽ được hưởng di sản thừa kế của tôi để lại là toàn bộ phần tài sản thuộc quyền sử dụng sở hữu của tôi tọa lạc tại thửa đất số 50, tờ bản đồ 33, P. T, địa chỉ thửa đất số 42 đường số E cũ, P. T, Q.7, TP H. Bà Lê Thị V có trách nhiệm chăm sóc sức khỏe cho tôi khi tôi yếu đau và là người được tôi chỉ định giao nghĩa vụ và toàn quyền trách nhiệm lo việc hậu sự cho tôi khi tôi qua đời. Ngoài bà Lê Thị V tôi không tin tưởng ai khác và không để phần tài sản của tôi cho bất kỳ ai khác".

Trước đây, bà C là là giáo viên của bà V. Vợ chồng bà V thường xuyên liên lạc và chăm lo cho bà C từ trước năm 2014. Sau khi lập di chúc, bà C vẫn cư ngụ tại nhà đất này. Ngày 01/10/2022, bà C chết, bà V là người lo ma chay, hậu sự cho bà C. Tại thời điểm bà C chết, cha mẹ bà C chết trước bà C, bà không có cha mẹ nuôi, không kết hôn, không có con ruột và không có con nuôi. Sau khi bà C chết, do Giấy chứng nhận quyền sử dụng, sở hữu nhà, đất nêu trên ông Q giữ, nên bà V có liên hệ với ông Q, yêu cầu ông Q cho bà mượn Giấy chứng nhận để làm thủ tục kê khai nhận di sản thừa kế nhưng ông Q từ chối. Do đó, đến nay bà V vẫn chưa thực hiện được quyền lợi của người được hưởng di sản do được thừa kế theo di chúc của bà C. Đồng thời, do phần tài sản của người chết là bà C nằm trong phần tài sản chung với ông Q và tài sản chung này không thể chia đôi, vì diện tích nhỏ không phù hợp với quy định của Luật Nhà ở và

Luật Đất đai. Nay, bà V yêu cầu công nhận quyền thừa kế của bà V đối với di sản của bà C theo Di chúc ngày 17/9/2014, bà V được hưởng $\frac{1}{2}$ quyền sở hữu, sử dụng đối với nhà, đất tại địa chỉ: D Đường số E (nay là đường P), phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 974243, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 02586/2005 do Ủy ban nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/8/2005, đã đăng ký thay đổi ngày 12/10/2005 và ngày 26/5/2014; Phân chia tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở đối với nhà, đất nêu trên. Yêu cầu bán để chia theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng Q trình bày: Nguồn gốc nhà, đất tại địa chỉ: Số D Đường số E (nay là đường P), phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của bà H (là em ruột của bà C và là chị họ của ông). Sau khi bà H chết để lại di chúc cho bà C và ông. Nhà, đất này hiện ông đang quản lý, nhà trống và chỉ sử dụng vào việc thờ cúng, không ai thường trú, tạm trú, thực tế cư trú, không tổ chức đăng ký kinh doanh, không cho thuê. Sau khi bà C chết thì nhà, đất này giữ nguyên hiện trạng không xây dựng, sửa chữa bổ sung gì thêm nên hơi cũ và xuống cấp. Hiện nay, bản chính Giấy chứng nhận ông đang giữ. Nay, nguyên đơn yêu cầu công nhận quyền thừa kế trong di sản của bà C, nếu di chúc hợp lệ thì đề nghị Tòa án công nhận theo quy định của pháp luật; Còn đối với yêu cầu phân chia tài sản chung của nguyên đơn ông không đồng ý, ông yêu cầu các bên cùng đứng tên đồng sở hữu trên Giấy chứng nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn yêu cầu công nhận quyền thừa kế của bà V đối với di sản của bà C theo di chúc ngày 17/9/2014. Đề nghị bán để chia đối với tài sản chung là nhà, đất tại Số D Đường số E (nay là đường P), bà V và ông Q mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$. Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của bị đơn xin nhận toàn bộ nhà, đất và hoàn lại cho nguyên đơn 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng).

Bị đơn ông Nguyễn Trọng Q trình bày: Nếu di chúc của bà C đúng quy định của pháp luật thì đề nghị công nhận theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu bán để chia tài sản chung, ông yêu cầu nhận nhà, đất và hoàn lại cho nguyên đơn 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Nếu nguyên đơn không đồng ý thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 257/2023/DS-ST ngày 08-9-2023 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Viêt .

Công nhận di chúc do bà Tôn Nữ Minh C lập ngày 17/9/2014 tại Văn phòng C1 (nay là Văn phòng C2), số công chứng 017594, Quyền số 09 là hợp pháp.

Bà Lê Thị V được hưởng thừa kế theo di chúc đối với di sản của bà Tôn Nữ Minh C là $\frac{1}{2}$ quyền sở hữu, sử dụng đối với nhà, đất tại địa chỉ: Số D Đường số E (nay là đường P), phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xác định nhà, đất tại địa chỉ Số D Đường số E (nay là đường P), phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AB 974243, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 02586/2005 do Ủy ban nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/8/2005, đăng ký thay đổi ngày 12/10/2005 và ngày 26/5/2014 là tài sản chung của bà Lê Thị V và ông Nguyễn Trọng Q, mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản tương đương 5.557.500.000 đồng (Năm tỷ năm trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Giao Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện phát mãi đối với nhà, đất tại địa chỉ: Số D Đường số E (nay là Phan Huy T1), phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AB 974243, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 02586/2005 do Ủy ban nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/8/2005, đăng ký thay đổi ngày 12/10/2005 và ngày 26/5/2014 để chia tài sản chung cho bà Lê Thị V và ông Nguyễn Trọng Q, mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị nhà, đất trên theo giá thẩm định tại thời điểm thi hành án sau khi trừ các khoản chi phí phát mãi, thuế, lệ phí chuyển nhượng trong quá trình thi hành án.

2. Về Chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Trọng Q có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Lê Thị V số tiền 4.750.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị V được miễn.

Ông Nguyễn Trọng Q phải chịu 113.557.500 đồng (Một trăm mười ba triệu năm trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự và quy định về Thi hành án.

Ngày 19/9/2023, ông Nguyễn Trọng Q có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn là ông Nguyễn Trọng Q vẫn giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm do vi phạm thủ tục tố tụng như:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông là bị đơn trong vụ án và buộc ông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.557.500 đồng (Một trăm mười ba triệu năm trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng) là không đúng.

Tòa án cấp sơ thẩm không đưa hàng thừa kế thứ hai, trường hợp không có hàng thừa kế thứ hai, thứ ba thì phải đưa Ủy ban nhân dân Phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Nguyên đơn bà Lê Thị V ủy quyền ông Nguyễn Minh T và ông Cái Trọng P không đồng ý kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Nguyên đơn yêu cầu công nhận quyền thừa kế nằm trong tài sản chung của ông Q và bà C nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai địa vị tố tụng của ông Q là bị đơn là không đúng. Nếu, nguyên đơn đòi ông Q cung cấp Giấy chứng nhận thì lúc này

ông Q mới là bị đơn; Còn trong vụ án này, ông Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Trường hợp di chúc không hợp pháp phải đưa cơ quan quản lý tài sản là Ủy ban nhân dân Phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh vào tham gia tố tụng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân Phường T vào tham gia tố tụng.

Nguyên đơn yêu cầu được hưởng thừa kế, chia tài sản chung, ông Q không có cản trở nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.557.500 đồng (Một trăm mười ba triệu năm trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng) là không đúng.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu - đề nghị:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Q, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Thị V ủy quyền ông Nguyễn Minh T và ông Cái Trọng P, việc ủy quyền này, phù hợp với Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn là ông Nguyễn Trọng Q kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông là bị đơn trong vụ án là không đúng.

[3.] Tại đơn khởi kiện 23/3/2023, nguyên đơn là bà Lê Thị V xác định khởi kiện bị đơn là ông Nguyễn Trọng Q và khai nhận: Nguồn gốc nhà, đất tại địa chỉ số D Đường số E (nay là đường P), phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là của bà Tôn Nữ Minh H, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp GCN:02586/2005 do Ủy ban nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi ngày 12/10/2005. Ngày 13/4/2014, bà H chết để lại di chúc cho bà Tôn Nữ Minh C và ông Nguyễn Trọng Q được hưởng toàn bộ tài sản thừa kế của bà H. Ngày 26/5/2014, Văn phòng Đ, Thành phố Hồ Chí Minh cập nhật biến động sang tên cho bà C và ông Q. Ngày 01/10/2022, bà C chết để lại di chúc cho bà được hưởng toàn bộ di sản thừa kế của bà C. Bà có liên hệ với ông Q mượn bản chính Giấy chứng nhận để làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế của bà C để lại cho bà nhưng ông Q không đồng ý và hiện nay, ông Q đang quản

lý căn nhà tranh chấp (Bút lục từ số 35 đến 37). Do vậy, bà yêu cầu công nhận di chúc do bà C lập ngày 17/9/2014 tại Văn phòng C1 (nay là Văn phòng C2) là hợp pháp, bà được hưởng thừa kế $\frac{1}{2}$ quyền sở hữu căn nhà của bà C và yêu cầu ông Q phân chia tài sản chung $\frac{1}{2}$ căn nhà số D Đường số E cho bà.

Tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm, ông Q thừa nhận, bà V liên hệ với ông mượn bản chính Giấy chứng nhận nhà, đất nêu trên để làm thủ tục cập nhật biến động nhưng ông không đồng ý. Từ ngày bà C chết thì ông là người quản lý căn nhà này (Bút lục từ 189 đến 193). Như vậy, giữa bà V và ông Q có tranh chấp căn nhà 42 Đường số E (nay là đường P), do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án này, bị đơn là ông Q là đúng theo quy định của pháp luật nên kháng cáo này là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa hàng thừa kế thứ hai của bà C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[5] Như đã nêu tại mục **[3]** thì nguồn gốc căn nhà, đất nêu trên của bà H chết để lại di chúc cho bà C và ông Q được hưởng toàn bộ tài sản thừa kế của bà H. Ngày 26/5/2014, Văn phòng Đ, Thành phố Hồ Chí Minh cập nhật biến động sang tên (đồng sở hữu căn nhà 42 Đường số E, nay là đường P) cho bà C và ông Q. Ngày 01/10/2022 bà C chết để lại di chúc cho bà V được hưởng toàn bộ di sản thừa kế của bà C.

Tại Công văn số: 1481/UBND-NC ngày 17/7/2023 của Ủy ban nhân dân Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh, thể hiện cha, mẹ của bà C chết trước bà C. Bà C không có cha, mẹ nuôi. Bà C không kết hôn, không có con ruột và con nuôi. Điều này, phù hợp với lời khai của nguyên đơn, bị đơn cho rằng hàng thừa kế thứ nhất của bà C không còn ai và cũng không biết những ai là hàng thừa kế thứ hai của bà C. Tòa án cấp sơ thẩm xác định di chúc ngày 17/9/2014 của bà C lập tại Văn phòng C1 (nay là Văn phòng C2), số công chứng 017594, Quyền số 09 là hợp pháp nên không cần thiết phải đưa hàng thừa kế thứ hai (nếu có) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này là đúng quy định pháp luật tố tụng. Do đó, kháng cáo của bị đơn ông Q là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Bị đơn ông Q kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 113.557.500 đồng (Một trăm mười ba triệu năm trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng) là không đúng.

[6] Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số: 098/23/BĐS-DV do Công ty TNHH G1 lập ngày 28/7/2023, thì nhà, đất tại địa chỉ số D Đường số E (nay là đường P), phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị là 11.115.000.000 đồng (Mười một tỷ một trăm mười lăm triệu đồng). Nguyên đơn, bị đơn thống nhất với kết quả thẩm định giá của Công ty TNHH G1.

Tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm, ông Q khai đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bán nhà để chia tài sản chung thì ông đề nghị nhận nhà, đất và hoàn lại cho nguyên đơn 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng). Phía nguyên đơn không đồng

ý, yêu cầu bị đơn hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà là 5.557.500.000 đồng (Năm tỷ năm trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo Chứng thư thẩm định giá số: 098/23/BDS-DV do Công ty TNHH G1 lập ngày 28/7/2023. (Bút lục 191).

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định phân chia tài sản chung và hưởng di sản thừa kế của bà C để lại cho bà V là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà, đất tại địa chỉ số D Đường số E (nay là đường P) là 5.557.500.000 đồng (Năm tỷ năm trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng); Và chia phần tài sản chung của ông Q là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà, đất là 5.557.500.000 đồng (Năm tỷ năm trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Vì vậy, bà V và ông Q, phải chịu án phí trên phần giá trị tài sản được chia là 5.557.500.000 đồng (Năm tỷ năm trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Do bà V là người cao tuổi nên được miễn án phí; Còn đối với ông Q thì Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Q phải chịu án phí có giá ngạch là 113.557.500 đồng (Một trăm mười ba triệu năm trăm năm mươi bảy ngàn năm trăm đồng) là đúng theo quy định của pháp luật nên kháng cáo phần này của ông Q là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Trọng Q và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là không có cơ sở nên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

[8] Các nội dung khác, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Q nên ông Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

-Căn cứ Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Trọng Q.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 257/2023/DS-ST ngày 08-9-2023 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Trọng Q chịu 300.00 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Q đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số: AA/2023/0036161 ngày 20/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Q đã nộp đủ.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu